TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HS-ST
Ngày: 18/4/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC SƠN-TỈNH QUẢNG NAM

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Pơ Loong Đếch

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Thanh Vinh

+ Ông Hồ Văn Điền

- Thư ký phiên tòa: Ông Zơ Râm Quốc Sinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án; Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2019/TLST-HS, ngày 15/3/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST – HS, ngày 8/4/2019 đối với các bị cáo:

1.HỒ VĂN Đ; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 30/11/1992, tại: Huyện P, tỉnh Q; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn 8, xã P, huyện P, tỉnh Q; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Gié Triêng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn S (chết) và con bà Hồ Thị P (1963); vợ Hồ Thị T (2000). Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam ngày 5/9/2018 đến ngày 6/11/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho "Bảo lĩnh"; *bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

****Người bào chữa cho bị cáo Hồ Văn Đ:*** Ông Lương Đình Nam, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam; *có mặt tại phiên tòa.*

2. HỒ VĂN D; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 15/11/1996; tại: Huyện P, tỉnh Q; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn 8, xã P, huyện P, tỉnh Q; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Gié Triêng; giới tính: Nam; tôn giáo:

Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn K (chết) và con bà Hồ Thị L (1978). Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam ngày 5/9/2018 đến ngày 6/11/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho "Bảo lĩnh"; *bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

3. HỒ VĂN T; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 20/01/1988, tại: Huyện P, tỉnh Q; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn 8, xã P, huyện P, tỉnh Q; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Mù chữ; dân tộc: Gié Triêng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn L (1968) và con bà Hồ Thị H (chết); vợ Hồ Thị Th (1992); có 03 đứa con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam ngày 5/9/2018 đến ngày 29/10/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho "Bảo lĩnh"; *bị cao có mặt tại phiên tòa.*

***Người bào chữa cho các bị cáo Hồ Văn D và Hồ Văn T:** Bà Ngô Thị Diễm, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam; *có mặt tại phiên tòa.*

****Người phiên dịch cho các bị cáo:** Ông Vũ Đình N; trú tại: Thôn 4, xã P, huyện P, tỉnh Q; *vắng mặt tại phiên tòa*.

***Nguyên đơn dân sự:** Uỷ ban nhân dân xã Phước Hiệp, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 17/4/2019): Ông Hồ Văn M - Chức vụ: Phó chủ tịch; *có mặt tại phiên tòa.*

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Lê Văn T; nơi cư trú: Tổ 7, thôn V, xã Bình Tr, huyện B, tỉnh Q; *có mặt tại phiên tòa*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 2/2018, Lê Văn T là công nhân của Công ty TNHH Nam Mai gọi điện thoại cho Hồ Văn Đ hỏi *"Có gỗ thành phẩm như tấm ván, cột hàng rào, cây trụ cột, cây rui mè mua để sửa chữa lại văn phòng và làm hàng rào của Công ty''*. Hồ Văn Đ rủ Hồ Văn D và Hồ Văn T vào khoảnh 4 tiểu khu 671 thuộc thôn 8, xã Phước Hiệp, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam, dùng 02 cưa máy đã cưa hạ, xẻ 06 cây gỗ Chò nâu thuộc nhóm VI và dùng 03 chiếc xe máy Win chở gỗ về trụ sở văn phòng Công ty TNHH Nam Mai. Sau khi nhận đủ gỗ, Lê Văn T trả tiền mua gỗ cho Hồ Văn Đ là 8.200.000 đồng; Hồ Văn Đ, Hồ Văn D và Hồ Văn T đã chia đều nhau số tiền bán gỗ.

Kết quả khám nghiệm hiện trường ngày 01/6/2018 và ngày 18/10/2018 đã xác định: Tại khoảnh 4 tiểu khu 671 thuộc thôn 8, xã Phước Hiệp, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam, Hồ Văn Đ, Hồ Văn D và Hồ Văn T đã cưa hạ, xẻ 06 cây gỗ Chò nâu thuộc nhóm VI với tổng khối lượng 32,619m^3 gỗ tròn.

Theo Quyết định số: 120/QĐ-UBND, ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2011 – 2020 thì rừng tại khoảnh 4 tiểu khu 671 thuộc thôn 8, xã Phước Hiệp, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam được quy hoạch kiểu trạng thái rừng thường xanh nghèo (TXN), chức năng sản xuất.

Tại kết luận định giá tài sản số: 21/KL-ĐG, ngày 21/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam kết luận: 32,619m^3 gỗ tròn Chò nâu thuộc nhóm VI có giá trị 95.922.000 đồng.

Tang vật thu giữ: 02 cưa máy hiệu STIHL, màu đỏ trắng, kèm theo 01 lam và 01 sên cưa là của Hồ Văn Đ.

Tại Cáo trạng số: 02/CT-VKS, ngày 8/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam truy tố các bị cáo Hồ Văn Đ, Hồ Văn D và Hồ Văn T về tội *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"* theo điểm b khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận:

Bị cáo Hồ Văn Đ khai nhận: Tháng 2/2018, bị cáo nhận điện thoại của anh Lê Văn T là công nhân của Công ty Nam Mai hỏi mua gỗ như tấm ván, trụ cột, kèo, cây làm hàng rào để sửa lại văn phòng của công ty. Sau đó bị cáo rủ Hồ Văn D và Hồ Văn T vào rừng đã cưa hạ, xẻ 06 cây gỗ Chò nâu, xẻ như tấm ván, cây kèo, rui mè, trụ hàng rào chở về bán cho anh Lê Văn T với số tiền 8.200.000 đồng và chia đều nhau. Việc khai thác gỗ anh T hoàn toàn không biết địa điểm cây gỗ, không chỉ cây gỗ, không cho ứng tiền, không cung cấp dụng cụ, thực phẩm, anh T chỉ hỏi bị cáo có gỗ như tấm ván, cây kèo, rui mè, trụ hàng rào để mua, anh T không nói bị cáo đi cưa hạ, xẻ gỗ để bán. Đối với 02 cưa máy dùng để cưa hạ, xẻ gỗ là của bị cáo; các bị cáo dùng xe máy Win mỗi người 01 chiếc chở gỗ, xe máy Win của bị cáo đã bị hư hỏng nên đã bán phế liệu; điện thoại di động của bị cáo đã mất; các bị cáo không có bàn bạc, phân công nhiệm vụ. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo không bị đánh đập, không bị ép cung; do hoàn cảnh gia đình quá khó khăn nên mới đi cưa xẻ gỗ bán kiếm tiền nuôi sống gia đình; hành vi của bị cáo là sai, vi phạm pháp luật.

Bị cáo Hồ Văn D khai nhận: Lời khai của anh Đ là đúng. Khoảng tháng 2/2018, Hồ Văn Đ rủ bị cáo và Hồ Văn T cùng tham gia đi cưa hạ, xẻ gỗ để bán kiếm tiền. Bị cáo, Đ và T vào khu vực rừng thôn 8 xã Phước Hiệp đã cưa hạ, xẻ 06 cây gỗ Chò nâu thành phẩm như tấm ván, rui mè, cây kèo, trụ hàng rào bán cho anh T với số tiền 8.200.000 đồng rồi chia đều nhau. Các bị cáo dùng 02 cưa máy của anh Đ để cưa hạ, xẻ gỗ; các bị cáo mỗi người dùng 01 chiếc xe máy Win chở gỗ, xe máy của bị cáo đã bị hư hỏng nên đã bán phế liệu; các bị cáo không có bàn bạc, phân công nhiệm vụ. Anh T không biết vị trí cây gỗ, không chỉ địa điểm cây gỗ, không cho ứng tiền, không nói các bị cáo đi cưa, xẻ gỗ mà các bị cáo tự đi tìm gỗ để cưa hạ, xẻ. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo không bị đánh đập, không bị ép cung, do hoàn cảnh gia đình quá khó khăn nên mới đi xẻ gỗ bán kiếm tiền; hành vi của bị cáo là sai, vi phạm pháp luật.

Bị cáo Hồ Văn T khai nhận: Lời khai của Đ và D là đúng. Tháng 2/2018, anh Đ rủ bị cáo và D đi cưa hạ, xẻ gỗ bán kiếm tiền. Bị cáo, Đ và D vào rừng đã cưa hạ, xẻ 06 cây gỗ Chò nâu, xẻ gỗ như tấm ván, trụ cột, rui mè, cột hàng rào; các bị cáo dùng xe máy Win của cá nhân chở gỗ về bán cho anh T được 8.200.000 đồng rồi chia nhau; xe máy Win của bị cáo đã bị hư hỏng nên đã bán phế liệu; 02 cưa máy dùng để cưa hạ, xẻ gỗ là của anh Đ. Anh T không chỉ vị trí cây, không cho ứng tiền, anh T hoàn toàn không biết 06 cây gỗ mà các bị cáo đã khai thác; các bị cáo không có bàn bạc, phân công nhiệm vụ. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo không bị đánh đập, không bị ép cung, do hoàn cảnh gia đình quá khó khăn nên mới đi cưa hạ, xẻ gỗ bán kiếm tiền nuôi gia đình; hành vi của bị cáo là sai, vi phạm pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T khai nhận: Tôi không phải là công nhân của Công ty TNHH Nam Mai, tôi chỉ là người cung cấp bán hàng hóa, trang thiết bị cho công ty. Do văn phòng làm việc của công ty bị hư hỏng, ông giám đốc nói với tôi tìm mua gỗ hợp pháp có giấy tờ để sửa chữa lại văn phòng. Sau đó tôi điện thoại cho Hồ Văn Đ hỏi có gỗ như tấm ván, trụ cột, rui mè, cột hàng rào không để mua sữa chữa lại văn phòng của công ty. Tôi đã mua gỗ thành phẩm của Đ hơn hai khối gỗ xẻ với số tiền 8.200.000 đồng, rồi bán lại cho công ty Nam Mai và công ty Nam Mai tiến hành sữa chữa văn phòng. Tôi hoàn toàn không biết địa điểm cây gỗ, không chỉ vị trí cây gỗ, không biết Đ đã cưa hạ, xẻ mấy cây gỗ; tôi không nói Đ phải đi cưa hạ, xẻ gỗ để bán cho tôi và lúc đầu tôi cũng không biết rõ nguồn gốc gỗ mà Đ đã bán cho tôi; đây là lần đầu tiên tôi mua gỗ của Đ.

Đại diện nguyên đơn dân sự khai: Vị trí cây gỗ mà các bị cáo khai thác trái phép tại khoảnh 4 tiểu khu 671 thuộc rừng tự nhiên là rừng sản xuất do Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp quản lý, bảo vệ. Yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về gỗ theo quy định của pháp luật.

Luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của các bị cáo Hồ Văn Đ, Hồ Văn D và Hồ Văn T tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa xét thấy các bị cáo Hồ Văn Đ, Hồ Văn D và Hồ Văn T đã vào khoảnh 4 tiểu khu 671 thuộc thôn 8 xã Phước Hiệp, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam là rừng tự nhiên thuộc rừng sản xuất đã cưa hạ, xẻ trái phép 06 cây gỗ Chò nâu với tổng khối lượng 32,619m^3 gỗ tròn. Xét thấy hành vi khai thác gỗ trái phép của các bị cáo Hồ Văn Đ, Hồ Văn D và Hồ Văn T đã cấu thành tội *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"* theo điểm b khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Trong vụ án này, bị cáo Hồ Văn Đ là người có vai trò tích cực hơn nên phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn bị cáo Hồ Văn D và Hồ Văn T.

Xét nhân thân của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo Hồ Văn Đ, Hồ Văn D và Hồ Văn T đều chưa có tiền án, tiền sự; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải; đều là người dân tộc thiểu số nhận phức pháp luật hạn chế; hoàn cảnh gia đình khó khăn, đều là hộ nghèo; mỗi bị cáo đã tự nguyện bồi

thường khắc phục hậu quả là 3.000.000 đồng nên được xem là các tình tiết giảm nhẹ; không có tình tiết tăng nặng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 232; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt các bị cáo:

Hồ Văn Đ từ: **15 – 20** tháng tù.

Hồ Văn D và Hồ Văn T từ: **9 - 12** tháng tù.

Đối với ông Lê Văn T đã có hành vi mua gỗ trái phép 3,097m^3 gỗ xẻ (4,953m^3 gỗ tròn) của các bị cáo, qua xác minh chưa có tiền án, tiền sự trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng và lâm sản. Hành vi mua gỗ trái phép của ông T chưa đến mức xử lý hình sự, Cơ quan điều tra đã lập hồ sơ chuyển xử lý hành chính nên không đề cập.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 584, 589 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc các bị cáo Hồ Văn Đ, Hồ Văn D và Hồ Văn T phải liên đới bồi thường thiệt hại về gỗ cho Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam với số tiền 95.922.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền các bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung quỹ Nhà nước 02 máy cưa hiệu STIHL màu đỏ trắng, kèm theo 01 lam và 01 sên cưa (không rõ chất lượng) đây là công cụ, phương tiện mà các bị cáo đã dùng để cưa hạ, xẻ gỗ trái phép.

Đối với số tiền bán gỗ 8.200.000 đồng các bị cáo đã chia đều nhau. Đây là số tiền do phạm tội mà có nên truy thu để sung quỹ Nhà nước của mỗi bị cáo Hồ Văn Đ, Hồ Văn D và Hồ Văn T với số tiền 2.733.000 đồng.

Đối với 03 chiếc xe máy Win sau khi vận chuyển gỗ các bị cáo đã bán phế liệu, không thu giữ được nên không đề cập.

Đối với số gỗ tròn còn lại không tận thu được đã tiêu hủy tại hiện trường nên không đề cập.

Đối với số gỗ 3,097m^3 gỗ xẻ, Lê Văn T đã bán lại cho Công ty TNHH Nam Mai và Công ty Nam Mai đã tiến hành gia công, sửa chữa hoàn thiện trụ sở văn phòng, không thu giữ nên không đề cập.

Luận cứ của người bào chữa cho bị cáo Hồ Văn Đ: Thống nhất như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Sơn đã truy tố bị cáo về tội *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"* theo điểm b khoản 2 Điều 232; các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xét thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật hạn chế, hoàn cảnh gia đình khó khăn, hộ nghèo, cha mất sớm, nhân thân tốt, lao động chính, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dung thêm Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung

năm 2017) cho bị cáo được hưởng án treo. Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm bị cáo là người dân tộc thiểu số, hộ nghèo, có đơn xin miễn nộp, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được miễn nộp.

Luận cứ của người bào chữa cho các bị cáo Hồ Văn D và Hồ Văn T: Thống nhất như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Sơn đã truy tố các bị cáo về tội *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"* theo điểm b khoản 2 Điều 232; các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Nhưng xét thấy các bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật hạn chế, đều là hộ nghèo, lao động chính, nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho các bị cáo được hưởng án treo. Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm, xét thấy các bị cáo là người dân tộc thiểu số, đều là hộ nghèo, có đơn xin miễn nộp, đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được miễn nộp.

Các bị cáo Hồ Văn Đ, Hồ Văn D và Hồ Văn T đồng ý với luận cứ của người bào chữa cho mình, không tranh luận gì, nhận tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đối đáp của Kiểm sát viên: Không chấp nhận áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như đề nghị của những người bào chữa cho các bị cáo. Vì tình hình khai thác gỗ trái phép trên địa bàn huyện Phước Sơn diễn biến phức tạp; xử phạt các bị cáo được hưởng án treo không có tính giáo dục, không có tính răn đe.

Ngoài ra, Kiểm sát viên và những người bào chữa cho các bị cáo không tranh luận gì thêm và giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Đại diện nguyên đơn dân sự không tranh luận gì, yêu cầu các bị cáo Hồ Văn Đ, Hồ Văn D và Hồ Văn T phải bồi thường thiệt hại về gỗ cho Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp theo định giá với số tiền 95.922.000 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T không tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Phước Sơn, của điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Sơn, của kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Hồ Văn Đ, Hồ Văn D và Hồ Văn T không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi và quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Nên hành vi và quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo Hồ Văn Đ, Hồ Văn D và Hồ Văn T đều nhận thức và biết rõ hành vi khai thác gỗ trái phép là vi phạm pháp luật, thấy trước được hậu quả hành vi bị pháp luật cấm thế nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi cưa hạ, xẻ trái phép 06 cây gỗ Chò nâu thuộc nhóm VI tại khoảnh 4 tiểu khu 671 thuộc rừng tự nhiên là rừng sản xuất do Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam quản lý, bảo vệ gây thiệt hại về lâm sản 32,619m^3 gỗ tròn.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; kết quả khám nghiệm hiện trường; xác định loại rừng; khối lượng gỗ bị thiệt hại; loại gỗ bị khai thác trái phép; kết luận định giá tài sản. Căn cứ lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã được chứng minh có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ kết luận: Hành vi khai thác trái phép 06 cây gỗ Chò nâu thuộc nhóm VI tại khoảnh 4 tiểu khu 671 thuộc rừng tự nhiên là rừng sản xuất gây thiệt hại 32,619m^3 gỗ tròn của các bị cáo Hồ Văn Đ, Hồ Văn D và Hồ Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"* theo điểm b khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam đã truy tố là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Hành vi khai thác trái phép 06 cây gỗ Chò nâu thuộc nhóm VI với khối lượng 32,619m^3 gỗ tròn của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ rừng. Mục đích, động cơ khai thác gỗ của các bị cáo là nhằm để bán kiếm tiền bất hợp pháp; hơn nữa tình hình khai thác, mua bán gỗ trái phép trên địa bàn huyện Phước Sơn diễn biến phức tạp. Để tăng tính nghiêm minh của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt các bị cáo với mức án nghiêm minh, tương xứng với hành vi phạm tội và cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Xét tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy trước khi thực hiện hành vi cưa hạ, xẻ gỗ trái phép giữa các bị cáo không có bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể nên các bị cáo phạm tội không có tổ chức mà là đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này, bị cáo Hồ Văn Đ là người rủ các bị cáo Hồ Văn D và Hồ Văn T cùng tham gia khai thác trái phép 06 cây gỗ Chò nâu và là người có vai trò tích cực nên bị cáo Hồ Văn Đ phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn các bị cáo Hồ Văn D và Hồ Văn T.

Xét nhân thân của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo Hồ Văn Đ, Hồ Văn D và Hồ Văn T phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai báo thành khẩn, biết ăn năn hối cải; các bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật hạn chế; hoàn cảnh gia đình khó khăn, đều là hộ nghèo. Trước khi đưa vụ án ra xét xử mỗi bị cáo đã nộp khắc phục một phần thiệt hại về lâm sản với số tiền 3.000.000 đồng; nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên được xem là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s khoản 1, khoản 2

Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); không có tình tiết tăng nặng. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ điều kiện căn cứ khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Xét đề nghị của những người bào chữa cho các bị cáo đề nghị áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt các bị cáo được hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy tình hình khai thác, mua bán gỗ trái phép trên địa bàn huyện Phước Sơn diễn biến phức tạp, xử phạt các bị cáo phạt tù nhưng cho hưởng án treo là không có tính giáo dục, răn đe phòng ngừa tội phạm nên không chấp nhận như đề nghị của những người bào chữa cho các bị cáo.

Đối với ông Lê Văn T đã có hành vi mua gỗ trái phép của các bị cáo, khi mua không biết rõ nguồn gốc gỗ; ông T không nói các bị cáo phải đi cưa hạ, xẻ gỗ; không có hứa hẹn trước, không chỉ địa điểm, vị trí cây gỗ, không cung cấp phương tiện, thực thẩm, không cho ứng tiền. Ông Lê Văn T chưa có tiền án, tiền sự về hành vi mua bán gỗ nên chưa đến mức xử lý hình sự; Cơ quan điều tra lập hồ sơ để xử lý hành chính nên không đề cập đến việc xử lý hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 584,587,589 Bộ luật dân sự năm 2015, tuyên buộc các bị cáo Hồ Văn Đ, Hồ Văn D và Hồ Văn T phải liên đới bồi thường thiệt hại về gỗ cho Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam với số tiền 95.922.000 đồng. Cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường với số tiền 31.974.000 đồng. Nhưng đối với mỗi bị cáo Hồ Văn Đ, Hồ Văn D và Hồ Văn T được trừ vào số tiền 3.000.000 đồng đã nộp khắc phục tại các biên lai thu tiền số 002268, 002270, 002269 lập ngày 21/3/2019, mỗi bị cáo Hồ Văn Đ, Hồ Văn D và Hồ Văn T còn phải tiếp tục bồi thường 28.974.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a,b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a,b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước 02 máy cưa hiệu STIHL màu đỏ trắng, kèm theo 01 lam và 01 sên cưa của bị cáo Hồ Văn Đ.

Đối với số tiền 8.200.000 đồng. Xét thấy đây là số tiền do các bị cáo bán gỗ khai thác trái phép mà có và đã chia đều nhau nên truy thu để sung quỹ Nhà nước của mỗi bị cáo Hồ Văn Đ, Hồ Văn D và Hồ Văn T với số tiền 2.733.000 đồng.

Đối với số gỗ tròn còn lại do không tận thu được đã tiêu hủy tại hiện trường nên không đề cập.

Đối với 03 chiếc xe máy Win của các bị cáo sử dụng vào việc vận chuyển gỗ trái phép, các bị cáo đã bán phế liệu, không thu giữ được nên không đề cập. Đối với điện thoại di động của bị cáo Hồ Văn Đ dùng liên lạc vào việc phạm tội đã mất nên không đề cập.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Hội đồng xét xử chấp nhận như đề nghị của những người bào chữa cho các bị cáo và xét thấy các bị cáo là

người dân tộc thiểu số, đều là hộ nghèo, có đơn xin miễn nộp. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì các bị cáo Hồ Văn Đ, Hồ Văn D và Hồ Văn T được miễn nộp cả án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Hồ Văn Đ, Hồ Văn D và Hồ Văn T phạm tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản".

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 232; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt các bị cáo:

HỒ VĂN Đ: **12** (Mười hai) tháng tù, được trừ thời gian tạm giam **2** (Hai) tháng **2** (Hai) ngày, bị cáo còn phải chấp hành **9** (Chín) tháng **28** (Hai mươi tám) ngày, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

HỒ VĂN D: **9** (Chín) tháng tù, được trừ thời gian tạm giam **2** (Hai) tháng **2** (Hai) ngày, bị cáo còn phải chấp hành **6** (Sáu) tháng **28** (Hai mươi tám) ngày; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

HỒ VĂN T: **9** (Chín) tháng tù, được trừ thời gian tạm giam **1** (Một) tháng **24** (Hai mươi bốn) ngày, bị cáo còn phải chấp hành **7** (Bảy) tháng **6** (Sáu) ngày; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 584,587,589 Bộ luật dân sự năm 2015, tuyên buộc các bị cáo Hồ Văn Đ, Hồ Văn D và Hồ Văn T phải liên đới bồi thường thiệt hại về gỗ cho Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam với số tiền 95.922.000 đồng *(Chín mươi lăm triệu, chín trăm hai mươi hai ngàn đồng)*; cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường 31.974.000 đồng *(Ba mươi mốt triệu, chín trăm bảy mươi bốn ngàn đồng)*.

Nhưng đối với bị cáo Hồ Văn Đ được trừ vào số tiền 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)* đã nộp khắc phục tại biên lai thu tiền số 002268 lập ngày 21/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường với số tiền 28.974.000 đồng *(Hai mươi tám triệu, chín trăm bảy mươi bốn ngàn đồng)*.

Đối với bị cáo Hồ Văn D được trừ vào số tiền 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)* đã nộp khắc phục tại biên lai thu tiền số 002270 lập ngày 21/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường với số tiền 28.974.000 đồng *(Hai mươi tám triệu, chín trăm bảy mươi bốn ngàn đồng)*.

Đối với bị cáo Hồ Văn T được trừ vào số tiền 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)* đã nộp khắc phục tại biên lai thu tiền số 002269 lập ngày 21/3/2019 của Chi cục thi hành án

dân sự huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường với số tiền 28.974.000 đồng *(Hai mươi tám triệu, chín trăm bảy mươi bốn ngàn đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền bồi thường của bản án sơ thẩm đã tuyên mà bên phải thi hành án chậm trả tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a,b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a,b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tuyên:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 02 (Hai) máy cưa hiệu STIHL màu đỏ trắng, kèm theo 01 (Một) lam và 01 (Một) sên cưa (không rõ chất lượng). Hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 4/3/2019.

Truy thu để sung công quỹ Nhà nước của mỗi bị cáo Hồ Văn Đ, Hồ Văn D và Hồ Văn T với số tiền 2.733.000 đồng *(Hai triệu, bảy trăm ba mươi ba ngàn đồng).*

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các bị cáo; nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm.

Nơi nhận
-Các cq tiến hành tố tụng;
-Tòa án tỉnh Quảng Nam;
-Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
-Những người tham gia tố tụng;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Pơ Loong Đếch